

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng khẩn cấp công tiêu tự chảy Văn Thai  
đê hữu Thái Bình, xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đê điều;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại báo cáo thẩm định số 110/BC-SNNMT ngày 27/02/2026; văn bản số 1529/SNNMT-QLĐT XD ngày 02/3/2026; Sở Tài chính tại văn bản số 1349/STC-THQH ngày 04/3/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Xây dựng khẩn cấp công tiêu tự chảy Văn Thai đê hữu Thái Bình, xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng khẩn cấp công tiêu tự chảy Văn Thai đê hữu Thái Bình, xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình: Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần Long Mã.

6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình đê điều.

- Cấp công trình: Cấp I.

7. Mục tiêu dự án:

- Xây dựng công tiêu mới để kịp thời xử lý sự cố lún sụt thân công, hư hỏng khớp nối, rò rỉ nước qua khớp nối công tiêu tự chảy Văn Thai (cũ) để đảm bảo an toàn đê điều, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân trong khu vực xảy ra sự cố hư hỏng công.

- Nâng cao chất lượng công trình chống lũ, tăng cường năng lực phòng tránh, khắc phục và ứng phó hiệu quả với các diễn biến thời tiết bất thường trong mùa mưa bão năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Đảm bảo nhiệm vụ tiêu thoát nước tự chảy cho khoảng 4.503 ha đất nông nghiệp, công nghiệp, dân cư - đô thị của huyện Lương Tài (cũ) và một phần huyện Gia Bình (cũ) tỉnh Bắc Ninh ra sông Thái Bình và lấy nước từ Sông Thái Bình vào để phục vụ tưới nông nghiệp.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô xây dựng:

- Phá dỡ hoàn toàn công cũ và xây dựng công mới, khẩu độ  $n \times B \times H = 4 \times (3,0 \times 4,0) \text{m}$  (tìm công mới cách tìm công cũ 15,6m về phía thượng lưu đê hữu Thái Bình) bằng bê tông cốt thép, nền móng công được gia cố bằng cọc BTCT, xây dựng nhà van, sàn công tác, lắp đặt các thiết bị cơ khí, máy đóng mở phục vụ vận hành công.

- Cứng hóa, hoàn thiện mặt cắt đê theo quy hoạch, gia cố mái đê khu vực thượng, hạ lưu công.

- Xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ để phục vụ quản lý, vận hành cống, đảm bảo an toàn đề điều: Khoan phụt chống thấm thân đê; đoạn kênh cửa ra, cửa vào thượng, hạ lưu cống; điện chiếu sáng.

- Dịch chuyển, phá dỡ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công: Đường điện, nước, viễn thông và các công trình khác liên quan.

## 8.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

### a. Cống qua đê:

- Khẩu độ cống nx(BxH):	4x(3,0x4,0)m;
- Chiều dài thân cống:	40m;
- Cao trình đáy cống:	-2.15;
- Cao trình đỉnh trần cống:	+2.55;
- Cao trình đỉnh tường đầu phía sông:	+6.60;
- Cao trình đỉnh tường đầu phía đồng:	+3.62.

### b. Bể tiêu năng, sân sau phía sông, phía đồng:

- Chiều dài bể tiêu năng:	15m;
- Chiều dài sân sau bể tiêu năng:	15m;
- Cao trình đáy bể:	-3.15;
- Cao trình sân sau bể tiêu năng:	-2.15.

### c. Phần mặt đê hoàn trả:

- Cao trình mặt đê:	+7.40;
- Bề rộng mặt đê:	12,5;
- Hệ số mái thượng, hạ lưu:	m=3,0.

### d. Kè gia cố mái kênh dẫn thượng, hạ lưu.

- Cao trình đỉnh kè:	+2.50;
- Cao trình chân kè:	+1.50;
- Hệ số mái kè (phần mái nghiêng):	m=2,0;
- Bề rộng đỉnh kè:	B=(2,0÷5,0)m.

## 8.3. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

### 8.3.1. Phần cống:

- Phá bỏ cống cũ và đắp đất hoành triệt khu vực cống cũ, xây dựng mới (cách tim cống cũ 15,6m về phía thượng lưu đê hữu Thái Bình) cống dạng chữ nhật, khẩu độ nxBxH=4x(3,0x4,0)m. Thân cống gồm 2 đoạn (đoạn 1 dài 15m, đoạn 2 dài 25m), sử dụng khớp nối đồng chống thấm khe giữa các đoạn cống và giữa thân cống với bể tiêu năng.

+ Bản đáy cống kết cấu BTCT M300, dày từ (0,90÷1,6)m trên lớp bê tông

M150, dày 30cm, gia cố nền đáy cống bằng cọc BTCT M300, kích thước tiết diện (30x30)cm, dài 26,0m; hai đầu phía sông và phía đồng bố trí hàng cừ Larsen dài 18m chống thấm.

+ Tường biên, tường giữa và trần cống kết cấu BTCT M300 dày (0,6÷0,7)m, xung quanh cống được đắp đất sét luyện với chiều dày từ (1,0÷1,5)m.

+ Tường đầu phía đồng và phía sông dày 80cm, cao độ đỉnh tường phía đồng (+3.62), phía sông (+6.60), bố trí khe van vận hành, sửa chữa, sự cố và thang lên xuống đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.

- Bể tiêu phía sông và phía đồng dài 15m, kết cấu BTCT M300: Bản đáy dày 60cm, cao độ (-3.15); tường chắn hai bên dạng tường bản chống: Bản đáy dày 90cm, rộng (5,3÷6,4)m, thân tường rộng từ (0,40÷1,2)m cao độ đỉnh tường (+2.50)÷(+6.60), gia cố nền đáy bằng cọc BTCT M300, kích thước tiết diện (30x30)cm.

- Sân cống phía sông, phía đồng chiều dài 15m, rộng 20cm, kết cấu: Bản đáy BTCT M300, dày 40cm, gia cố nền bằng cọc tre, phía ngoài xếp rọ đá; tường hai bên sử dụng cừ ván dự ứng lực SW600B, khoá đầu kè bằng dầm mũ kết hợp tường BTCT M300, phía trên mái nghiêng xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trên lớp đá dăm và vải địa kỹ thuật, khoá mái BTCT M300, dày 30cm, đỉnh mái bố trí lan can.

- Nhà van phía sông kết cấu khung cột cột, dầm, sàn BTCT M300, tường xây gạch bao che, mái đổ BTCT dán ngói màu đỏ, cao độ đỉnh sàn (+12.37). Sàn công tác phía đồng kết cấu cột dầm, sàn BTCT M300, cao độ đỉnh sàn (+9.07). Tay vịn cầu thang, lan can sử dụng thép inox SUS 304. Bố trí hầm chứa phai phía sông và phía đồng

- Bố trí cửa van vận hành, sửa chữa, sự cố, palăng, ray, hệ thống máy đóng mở bằng điện đồng bộ đảm bảo vận hành cống.

### 8.3.2. Phân đề:

- Đắp đất hoàn trả trần và mang cống bằng đất đắp đầm chặt đạt hệ số  $K \geq 0,95$ , hệ số mái phía sông và phía đồng  $m=3,0$ . Mặt đê rộng  $B = 12,5m$  kết cấu bê tông M300, dày 30cm trên lớp ni long tái sinh. Lớp móng dưới lớp bê tông gồm các lớp: cấp phối đá dăm loại I, gia cố 5% xi măng dày 15cm, cấp phối đá dăm loại II, dày 15cm phía dưới là 30cm đạt hệ số  $K \geq 0,98$ . Mặt đường có bố trí khe dọc có thanh truyền lực và cứ 5m bố trí khe co được cắt đồ nhựa đường matis nóng, 60m bố trí một khe giãn có thanh truyền lực.

- Mái đê phía sông khu vực cống gia cố bằng tấm lát bê tông đúc sẵn trong hệ khung dầm BTCT. Mái đê phía đồng gia cố bằng gạch có lỗ trồng cỏ trong khung dầm BTCT. Trên mái bố trí các bậc lên xuống, kết cấu bê tông M200, dày 20cm.

- Hai bên mặt đường đổ gờ chắn bánh bằng bê tông sơn phản quang đảm bảo an toàn giao thông.

### 8.3.3. Phần kè cửa ra và cửa vào cống:

- Tổng chiều dài kè gia cố bảo vệ mái kênh dẫn và kênh xả là 299,2m, bao gồm:

+ Kè gia cố bảo vệ mái kênh dẫn phía đông: Đoạn bờ tả dài 163,4m; đoạn bờ hữu dài 22m.

+ Kè gia cố bảo vệ mái kênh xả phía sông: Bờ tả dài 78,8m, đoạn bờ hữu dài 35m.

- Kết cấu kè cố mái bằng cừ ván BTCT dự ứng lực kết hợp mái nghiêng:

+ Tường kè đứng: Kết cấu cừ ván dự ứng lực loại SW600B dài  $L=24m$ , khoá đầu kè bằng dầm mũ kết hợp tường BTCT M300.

+ Mái nghiêng: Kết cấu cấu kiện bê tông đúc sẵn trên lớp đá dăm lót dày 10cm, dưới rải vải địa kỹ thuật. Trên mái bố trí bậc lên xuống.

+ Phần đỉnh kè: Mặt đỉnh kè bê tông M200, dày 20cm trên lớp nilon tái sinh, bố trí lan can thép dọc đường đỉnh kè bảo đảm an toàn.

### 8.3.4. Khoan phụt chống thấm thân và nền đê:

- Tổng chiều dài thực hiện khoan phụt theo tim đê khoảng 112m, đê hữu Thái Bình đoạn từ K9+618 ÷ K9+730. Khoan phụt chống thấm hai nút gồm 03 hàng như sau:

+ Chiều sâu khoan phụt hàng A từ đỉnh đê cao trình (+7.40) đến cao trình (-39.50).

+ Chiều sâu khoan phụt hàng B, C từ đỉnh đê cao trình (+7.40) đến cao trình (-38.00).

### 8.3.5. Phần điện

#### a. Phần điện hạ thế:

- Đường dây hạ thế sử dụng cáp vặn xoắn ABC 4x120mm<sup>2</sup> cho trục chính và sử dụng cáp vặn xoắn ABC 4x50mm<sup>2</sup> cho đường nhánh, cột điện sử dụng loại cột bê tông ly tâm PC.I- 7,5- 190- 3.5; và PC.I- 10- 190- 5.0.

- Cấp điện từ các tủ điều khiển đến các động cơ sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC-0,6/1KV luôn trong ống nhựa HDPE bảo vệ cáp.

#### b. Phần điện chiếu sáng:

Bố trí các cột đèn chiếu sáng hai bên đường phạm vi cống với móng cột kết cấu bê tông M200. Cột chiếu sáng loại cột thép bát giác rời cần. Đèn Led công suất  $\geq 100W$  ánh sáng vàng cùng hệ thống cấp ngầm đồng bộ.

#### c. Phần điện 35kV.

Thay thế, dịch chuyển vị trí cột 71 Nhánh B75 lộ 371 E811 và dây dẫn:

- Điểm đầu: Cột 70 N. B75 lộ 371-E811 hiện có.

- Điểm cuối: Cột 72 N. B75 lộ 371-E811 hiện có.

- Xây dựng mới: Cột 71 M N. B75 lộ 371-E811.
- Cột điện: Sử dụng cột bê tông ly tâm 3 thân 3PC.I-20-190-13.
- Dây dẫn: Sử dụng dây dẫn lõi thép bọc cách điện As95/16-XLPE4.3/HPDE.
- Móng cột: Dùng móng bê tông mác 150 đúc tại chỗ, loại móng MTB-6 cho vị trí cột bê tông ly tâm 3 thân.
- Loại xà và phụ kiện: Được chế tạo từ thép hình, mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ  $\geq 80\mu\text{m}$ .
- Cách điện: Sử dụng cách điện đứng bằng gốm trắng men và cách điện chuỗi néo thủy tinh cường lực 35kV.
- Tiếp địa: Tiếp địa hỗn hợp, loại T4C-1,5 bao gồm 4 cọc thép L63x63x6 dài 1,5m, hàn nối với nhau bằng thép  $\Phi 14$ .
- Hạ căng lại: Dây dẫn AC-95 từ cột Cột 70 N. B75 lộ 371-E811 đến cột Cột 71 M N. B75 lộ 371-E811.
- Hạ thu hồi: Cột bê tông 2LT12, xà và phụ kiện tại cột 71 N. B75 lộ 371-E811, dây dẫn AC-95 từ cột Cột 70 N. B75 lộ 371-E811 đến cột Cột 72 N. B75 lộ 371-E811.

9. Bản vẽ TKCS được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **145.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chi phí BT, HT và tái định cư:	500.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	111.394.753.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	14.348.468.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.760.405.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	8.163.488.000 đồng;
- Chi phí khác:	2.202.330.000 đồng;
- Chi phí dự phòng	6.630.556.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: Xong trước ngày 30/6/2026 (để phục vụ chống lũ).

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án (Ban Quản lý dự án chuyên ngành).

14. Các nội dung khác:

- Phương án giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư cần phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư theo quy định pháp luật.

- Các nội dung khác theo Báo cáo kết quả thẩm định số 110/BC-SNNMT ngày 27/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2 được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình quản lý thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực VI; Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2, UBND xã Trung Chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP<sup>Ô.Luýn</sup>;
- Lưu: VT, KTN<sub>Nam</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Xuân Lợi**